

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TỊNH SƠN**

Số: 03 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tĩnh Sơn, ngày 24 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu, chi
ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TỊNH SƠN
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 16 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/04/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 2 cấp;

Căn cứ Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Sơn Tịnh, về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Tịnh Sơn kỳ họp lần thứ 11, khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026, về việc phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2024;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2025 của UBND xã về đề nghị phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế- xã hội, Ban pháp chế Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024, cụ thể như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024: 22.440.680.674 đồng

Trong đó:

- Thu các khoản thu 100%: 441.472.483 đồng

- Thu các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm:	20.994.152.191 đồng
- Thu hồi các khoản chi năm trước	1.005.056.000 đồng
II. Thu ngân sách địa phương năm 2024:	13.464.479.607 đồng

Trong đó:

1. Thu ngân sách địa phương xã hưởng theo phân cấp:	444.483.467 đồng
- Thu các khoản thu 100%:	378.572.483 đồng
- Thu các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm %:	65.910.984 đồng
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (NS cấp huyện):	9.607.861.009 đồng
- Bổ sung cân đối:	5.403.837.000 đồng
- Bổ sung có mục tiêu:	4.204.024.009 đồng
3. Thu kết dư năm trước chuyển sang:	0 đồng
4. Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước:	3.412.135.131 đồng
III. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024:	13.464.479.607 đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư XD CB:	2.084.443.600 đồng
- Chi thường xuyên:	8.112.169.614 đồng
- Chi chuyển nguồn sang năm 2025:	3.267.866.393 đồng

IV. Kết dư ngân sách năm 2024:	0 đồng
---------------------------------------	---------------

(Chi tiết các biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã thường xuyên kiểm tra và giám sát việc thực hiện Nghị Quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị Quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tịnh Sơn khoá XIII, kỳ họp thứ 16 (Chuyên đề), thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;p
- UBND huyện;
- TT Đảng uỷ xã;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã khoá XIII;
- Các bộ phận chuyên môn, Hội đoàn thể;
- Các Trưởng thôn;
- Lưu: TT HĐND xã.

B/cáo

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn ngọc Khanh

ỦY BAN NHÂN DÂN

Biểu mẫu số 48

XÃ TỈNH SƠN

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 24/4/2025 của HĐND xã Tỉnh Sơn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	7.745.832.517	13.464.479.607	5.718.647.090	173,83
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	430.703.000	444.483.467	13.780.467	103,20
-	Thu NSDP hưởng 100%	397.843.000	378.572.483	-19.270.517	95,16
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	32.860.000	65.910.984	33.050.984	200,58
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.818.728.100	9.607.861.009	3.789.132.909	165,12
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	5.403.835.900	5.403.837.000		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	414.892.200	4.204.024.009	3.789.131.809	1.013,28
III	Thu hồi các khoản chi năm trước				
IV	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			0	
V	Thu kết dư			0	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.496.401.417	3.412.135.131	1.915.733.714	
B	TỔNG CHI NSDP	7.745.832.517	13.464.479.607	5.718.647.090	173,83
I	Tổng chi cân đối NSDP	7.745.832.517	10.196.613.214	2.563.588.497	131,64
1	Chi đầu tư phát triển	1.700.244.417	2.084.443.600	384.199.183	122,60
2	Chi thường xuyên	5.932.780.300	8.112.169.614	2.179.389.314	136,73
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	112.807.800			0,00
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
7	Chi nộp ngân sách cấp trên				
8	Tiết kiệm chi				
II	Chi các chương trình mục tiêu				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		3.267.866.393		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				



Biểu số 12

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 24/ 4/ 2025 của HĐND xã Tinh Sơn)

STT	Mã dự án	Dự án	Thời gian khởi công-HT	Giá trị phê duyệt dự toán		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2024	Vốn đầu tư đã thanh toán năm 2024			
				Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13
1	8104273	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, kiên cố hóa các tuyến kênh nội đồng khu chính trang đồng Cây Vừng - Cây Quýt		800.000.000			754.428.000		754.428.000	
2	8104272	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, kiên cố hóa tuyến Kênh B6-2 - Đồng Thổ Cải Tiến		300.000.000			247.011.000		247.011.000	
3	8104271	Đầu tư xây dựng, nâng cấp, kiên cố hóa tuyến kênh Đập Cây Xoài – Phú Triên, đội 13, thôn Đôn Sơn, L. xã. Tân		176.652.000			159.975.000		159.975.000	
4	8104274	Xây dựng nhà vệ sinh và một số hạng mục khác của trường THCS Tinh Sơn		400.000.000			314.581.000		314.581.000	
5	7701321	Đường thôn, tuyến QL24B (ngõ ông Tuyền) - Bờ Kè		47.160.000			28.731.000		28.731.000	
6	7701318	Đường thôn: Ngõ ông Nguyễn Phi - Ngõ Ông Hồng		381.000			381.000		381.000	
7	7701320	Đường thôn: Quốc Lộ 24B (Trường Mẫu giáo) - Bờ Kè		600.000			600.000		600.000	
8	7696874	Đường thôn: Quốc Lộ 24B (Ngõ Ông Chi) - Ngõ Ông Nghĩa		839.000			839.000		839.000	
9	7701319	Đường thôn: Quốc Lộ 24B - ở Kè (Ngõ Ông Mười Lữ)		2.469.000			2.469.000		2.469.000	
10	7700110	Đường thôn: Ngõ ông Nguyễn Ngọc Anh - Đường cái núi		2.909.000			2.909.000		2.909.000	
11	7701322	KCH kênh Bơm Chợ Tổng - Đồng Cây Quýt		2.435.000			2.435.000		2.435.000	



12	7877802	KCH Tuyến kênh B6-2-10 nổi dài		91.958.000			91.957.000		91.957.000	
13	7835548	KCH kênh Bơm Chợ Tổng kéo dài (đoạn sau nhà ông Trừ - Trà Lương)		47.813.000			46.097.000		46.097.000	
14	8045093	Kiên cố hóa Kênh nội đồng khu cải tạo đồng Cây Sung, đội 19, thôn Diên Niên		193.000.000			184.039.000		184.039.000	
15	8039357	Xây dựng bể bơi cho trường Tiểu học Tịnh Sơn - Phần hiệu Trung tâm		12.610.000			7.687.000		7.687.000	
16	7758518	Trường THCS Tịnh Sơn: 04 phòng chức năng		92.516.000			81.786.600		81.786.600	
17	8039356	Nâng cấp, sửa chữa, bổ sung một số hạng mục, trang thiết bị Trung tâm văn hóa xã Tịnh Sơn và Nhà truyền thống		83.679.000			38.052.000		38.052.000	
18	7774614	Sân vườn, tường rào công ngõ Nhà văn hóa thôn Tây		35.570.000			31.216.000		31.216.000	
19	7896039	Sân nền, sân thể thao và di dời mồ mã nhà văn hóa thôn Tây		3.436.000						
20	7817380	Nhà vệ sinh, giếng nước Nhà văn hóa thôn Tây		15.249.000			14.130.000		14.130.000	
21	8117649-00492	Đường giao thông nông thôn bằng BTXM (3 tuyến) xã Tịnh Sơn năm 2024, thực hiện Đề án hỗ trợ xi măng		75.120.000			75.120.000		75.120.000	
		Tổng cộng:		2.384.496.000	0	0	2.084.443.600	0	2.084.443.600	0



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỈNH SƠN

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/ 4/ 2025 của HĐND xã Tỉnh Sơn)

Biểu mẫu số 50

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	718.843.000	7.735.832.517	22.440.680.674	13.464.479.607	3.121,78	174,05
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	718.843.000	6.239.431.100	21.435.624.674	10.052.344.476	2.981,96	161,11
I	Thu nội địa	718.843.000	6.239.431.100	21.435.624.674	10.052.344.476	2.981,96	161,11
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	125.000.000	51.860.000	298.230.560	66.358.095	238,58	127,96
	Lệ phí môn bài	19.000.000	19.000.000	24.300.000	22.300.000	213,77	213,77
	Thuế GTGT	106.000.000	32.860.000	273.930.560	44.058.095	258,43	134,08
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế thu nhập cá nhân	65.000.000		82.827.160			
6	Thuế TNCN từ tiền công, tiền lương (1001)			7.500.000			
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp			4.422.922			
8	Thuế Thu nhập cá nhân từ CN BĐS	150.000.000		343.396.230			
9	Thuế thu nhập từ thừa kế, quà biếu quà tặng khác trừ bất động sản khác			8.095.000			
10	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
11	Lệ phí trước bạ	50.000.000	50.000.000	260.544.638	199.644.638	521,09	399,29
12	Thu phí, lệ phí	40.000.000	40.000.000	40.616.500	40.616.500		
13	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
14	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	5.000.000	7.352.865	7.352.865	147,06	147,06



15	Thu từ đất sản xuất kinh doanh PNN						
16	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			13.601.430			
17	Thu tiền đấu giá đất			20.213.449.646			
18	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
19	Thuế tài nguyên			43.014.656	21.507.328		
20	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
21	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
22	Thu khác ngân sách	80.000.000	80.000.000	77.200.000	77.200.000	96,50	96,50
23	Thu hoa lợi công sản, đất công ích			9.724.480	9.724.480		
24	Thu khác của Thuế						
25	Thu cải tạo đồng cây Sung (đất sét) (4501)	193.843.000	193.843.000				
26	Thu đóng góp ngân sách (vốn đối ứng trong nhân dân)	10.000.000	10.000.000	21.734.000	21.734.000		
27	Phí môi trường						
28	Thu phạt			3.914.587	345.561		
29	Thu thanh lý						
30	Đất được NN giao						
31	Thu cân đối		5.818.728.100		9.607.861.009		
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu viện trợ						
B	THU HỒI CÁC KHOẢN CHI NĂM TRƯỚC			1.005.056.000			
C	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
D	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
Đ	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG		1.496.401.417		3.412.135.131		





**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÁ TỈNH SƠN**

Biểu mẫu số 51

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/4 / 2025 của HĐND xã Tĩnh Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.745.832.517	13.464.479.607	173,83
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.745.832.517	10.196.613.214	131,64
I	Chi đầu tư phát triển	1.700.244.417	2.084.443.600	122,60
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.700.244.417	2.084.443.600	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu vốn đối ứng trong dân			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	5.932.780.300	8.112.169.614	136,73
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	112.807.800		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
VII	Tiết kiệm chi	-		
VIII	Chi nộp ngân sách cấp trên			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		3.267.866.393	

Ghi chú: (1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	7.745.832.517	13.464.479.607	5.718.647.090	173,83
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)			0	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC	7.633.024.717	10.196.613.214	2.563.588.497	133,59
I	Chi đầu tư phát triển	1.700.244.417	2.084.443.600	384.199.183	122,60
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.700.244.417	2.084.443.600		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin				
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế				
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi đầu tư khác	1.700.244.417	2.084.443.600		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	5.932.780.300	8.112.169.614	2.179.389.314	136,73
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	9.000.000	9.000.000		
-	Chi khoa học và công nghệ (2)			0	
-	Chi quốc phòng	368.064.640	487.503.493	119.438.853	132,45
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	225.441.810	223.652.400	-1.789.410	99,21
-	Chi y tế	9.000.000	9.000.000	0	
-	Chi văn hóa thông tin	43.000.000	43.000.000		100,00
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	33.181.200	33.181.200		100,00
-	Chi thể dục thể thao	31.522.140	31.522.140		100,00
-	Chi bảo vệ môi trường	49.771.800	33.723.000		67,76
-	Chi các hoạt động kinh tế	45.000.000	2.233.211.698		4962,69
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4.951.139.450	4.803.351.509	-147.787.941	97,02
-	Chi bảo đảm xã hội	167.659.260	205.024.174	37.364.914	122,29
-	Chi thường xuyên khác				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	112.807.800			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
VII	Chi nộp trả cấp trên		0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		3.267.866.393	3.267.866.393	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 24/ 4 / 2025 của HĐND xã Tịnh Sơn)

Đơn vị: đồng

[illegible]

VII	Chi nộp khôi phục cấp trên				0					0						
VIII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU				3.267.866.393								3.267.866.393			

Ghi chú: (1) Dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết theo các chỉ tiêu tương ứng phần quyết toán chi ngân sách địa phương.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

(3) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

